TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2023/DS-ST
Ngày: 04-4-2023
V/v tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Võ Thị Ngọc Minh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phạm Phước Tâm**

2. Bà **Nguyễn Thị Phượng**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Duyên** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 04 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 589/2022/TLST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2023/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 01 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2023/QĐST-DS ngày 31 tháng 01 năm 2023, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 15/2023/QĐST – DS ngày 28 tháng 02 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 64/2023/QĐST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Lâm Quốc B**, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Ấp 4, xã P, huyện P, tỉnh B.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Tấn L**, sinh năm 1953;

Địa chỉ: Tổ 6, ấp 4, xã B, huyện C, tỉnh Đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông **Nguyễn Văn B1**, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Số 21/5, tổ 5, khu vực 1, phường H, quận C, thành phố C.

2/ Bà **Nguyễn Thị Linh T**, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Số 147/53, đường C, phường A, quận N, thành phố C.

(Ông B, ông L, bà T có mặt, ông B1vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/8/2022, lời trình bày tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn là ông Lâm Quốc B trình bày:

Do có quan hệ quen biết với nhau từ trước, Ông B có cho ông L vay tiền nhiều lần và đã thanh toán xong. Tuy nhiên, đến năm 2019 ông B có thỏa thuận cho ông L vay tiền để có vốn mua bán làm ăn, cụ thể như sau:

- Ngày 15/7/2019, ông L có vay của ông B số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) có làm biên nhận. Lãi suất 6%/tháng (tiền lãi đóng hàng tháng là 60.000.000 đồng). Thời hạn thanh toán: 03 tháng kể từ ngày 15/7/2019. Phần tiền vay này, ông L có đóng cho ông Bđược 02 tháng (tháng 8 và tháng 9/2019), đến tháng 10/2019 thì không tiếp tục đóng lãi cho ông Bnữa mà ông L chuyển phần nợ qua ông B1theo biên nhận ngày 11/10/2020 lập giữa ông L và ông B1 có sự chứng kiến của ông B và bà T. Sau đó, ông B1đóng tiền lãi cho ông B được 02 tháng với số tiền 60.000.000 đồng (tháng 11, tháng 12/2020) chị Trang là người nhận tiền lãi, sau đó thì ông B1không đóng nữa.

- Ngày 21/9/2020, ông L vay của Ông B số tiền 1.000.000.000 đồng, không có tính lãi suất, có làm biên nhận. Hàng tháng, ông L sẽ hoàn trả cho ông Bsố tiền là 100.000.000 đồng khi nào hết nợ thì thôi. Phần tiền vay này, ông L trả cho ông Bđược 03 lần vào các tháng 10, 11 và tháng 12/2020 với tổng số tiền là 300.000.000 đồng. Đến tháng 01/2021 thì không trả tiền cho ông B nữa.

Sau nhiều lần ông B yêu cầu trả lại tiền nhưng ông L không thực hiện theo thỏa thuận và luôn tìm cách tránh né. Đến thời điểm hiện tại, tổng số tiền gốc ông L còn nợ ông B là 1.700.000.000 đồng.

Nay ông Lâm Quốc B yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Nguyễn Tấn L hoàn trả cho ông Lâm Quốc B tổng số tiền 2.085.679.000 đồng. Trong đó:

+ Tiền nợ gốc là 1.700.000.000 đồng.

+ Tiền lãi chậm trả của biên nhận ngày 15/7/2019 tính từ ngày 16/10/2019 đến ngày 16/7/2022 là 33 tháng x 1.000.000.000 đồng x 0,833%/tháng = 274.890.000 đồng. Sau ngày 16/7/2022 vẫn tiếp tục tính lãi chậm trả bằng 0,833%/tháng cho đến ngày Tòa án có quyết định xét xử.

+ Tiền lãi chậm trả của biên nhận ngày 21/9/2020 tính từ ngày 22/12/2020 đến ngày 22/7/2022 là 19 tháng x 700.000.000 đồng x 0,833%/tháng = 110.789.000 đồng. Sau ngày 22/7/2022 vẫn tiếp tục tính lãi chậm trả bằng 0,833%/tháng cho đến ngày Tòa án có quyết định xét xử.

Tại phiên tòa, Ông B trình bày: Do ông L trả tiền nhiều lần nên không nhớ cụ thể ngày tháng trả, ông chỉ nhớ khoảng 300.000.000 đồng, nay ông xác định ông L có trả cho ông số tiền 380.000.000 đồng, như các chứng từ ông L xuất trình, cụ thể:

Ngày 21/10/2020 trả 30.000.000 đồng.

Ngày 31/12/2020 trả 50.000.000 đồng.

Ngày 08/12/2020 trả 30.000.000 đồng.

Ngày 12/01/2021 trả 50.000.000 đồng.

Ngày 28/01/2021 trả 100.000.000 đồng.

Ngày 12/4/2022 trả 30.000.000 đồng.

Ngày 30/7/2022 trả 20.000.000 đồng.

Và nhận chuyển khoản của A vào ngày 12/4/2022 số tiền 30.000.000 đồng và ngày 30/7/2022 số tiền 20.000.000 đồng.

Nay Ông B có thay đổi yêu cầu, chỉ yêu cầu ông L trả số tiền là 620.000.000 đồng. Không yêu cầu tính lãi. Đối với việc ông L có trả cho Ông B hai lần, ngày 18/7/2020 số tiền 300.000.000 đồng và ngày 09/9/2020 số tiền 200.000.000 đồng thì đây là trả cho những lần vay khác, không phải của lần vay tại biên nhận ngày 21/9/2020. Ông B rút lại yêu cầu ông L trả 1.000.000.000 đồng theo biên nhận ngày 15/7/2019. Để khởi kiện thành một vụ kiện khác.

Tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Tấn L trình bày:

Ông L có vay tiền của Ông B nhiều lần, đến ngày 21/9/2020 thì có nợ Ông B 2.000.000.000 tỷ (Hai tỷ đồng). Ba bên thống nhất thỏa thuận: Ông B1làm biên nhận nợ bà T 1.000.000.000 đồng, ông L làm biên nhận nợ Ông B 1.000.000.000 đồng. Từ đó đến nay ông có trả cho Ông B bằng hình thức chuyển khoản, cụ thể như sau:

Ngày 21/10/2020 trả 30.000.000 đồng.

Ngày 31/12/2020 trả 50.000.000 đồng.

Ngày 08/12/2020 trả 30.000.000 đồng.

Ngày 12/01/2021 trả 50.000.000 đồng.

Ngày 28/01/2021 trả 100.000.000 đồng.

Ngày 12/4/2022 trả 30.000.000 đồng.

Ngày 30/7/2022 trả 20.000.000 đồng.

Ông có nhờ con của ông là anh Achuyển khoản trả cho Ông B vào ngày 12/4/2022 số tiền 30.000.000 đồng và ngày 30/7/2022 số tiền 20.000.000 đồng. Trước ngày làm biên nhận thì ông có trả cho Ông B hai lần, ngày 18/7/2020 số tiền 300.000.000 đồng và ngày 09/9/2020 số tiền 200.000.000 đồng. Do tin tưởng Ông B sẽ trừ lại số tiền này nên khi làm biên nhận vẫn ghi là 1.000.000.000 đồng, chứ không ghi số tiền thực tế còn nợ.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông B đồng ý trả cho ông L số tiền 180.000.000 đồng và tiền lãi.

Đối với việc rút một phần khởi kiện số tiền 1.000.000.000 đồng theo biên nhận ngày 15/7/2019, ông L cũng thống nhất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Linh T trình bày:

Nội dung Ông B trình bày trong đơn khởi kiện là đúng sự thật. Về phần tiền ông L vay mượn của Ông B theo biên nhận ngày 15/7/2019 là tiền của bà T

đưa cho Ông B vay không tính lãi suất. Ông B có đưa tiền lãi cho bà T được 02 tháng là tháng 8 và tháng 9/2019 do ông L đóng lãi với số tiền 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng).

Sau khi chuyển phần nợ từ ông L qua ông B1 theo biên nhận ngày 11/10/2020 lập giữa ông L và ông B1 có sự chứng kiến của bà T và Ông B thì ông B1 có đóng tiền lãi cho bà T được 02 tháng (tháng 11, 12/2020) với số tiền 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) sau đó thì ông B1 không đóng lãi cho bà T nữa.

Tại phiên tòa, bà T thống nhất việc Ông B rút lại một phần khởi kiện về việc buộc ông L trả số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) tại biên nhận ngày 15/7/2019. Bà T không có yêu cầu trong vụ án này. Bà sẽ thỏa thuận với Ông B và ông B1 hoặc yêu cầu trong vụ kiện khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn B1 đã được tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án và được triệu tập xét xử hợp lệ, biết nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng không có ý kiến, cũng không phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn nộp:

- Căn cước công dân và sổ hộ khẩu của ông Lâm Quốc B (Bản photo chứng thực);

- Biên nhận ngày 21/9/2020 (Bản chính);

Tài liệu chứng cứ do bị đơn nộp:

- Giấy nộp tiền ngày 21/10/2020, số tiền 30.000.000 đồng (photo).

- Giấy nộp tiền ngày 31/12/2020 số tiền 50.000.000 đồng (photo).

- Giấy nộp tiền ngày 08/12/2020 số tiền 30.000.000 đồng (photo).

- Giấy nộp tiền ngày 12/01/2021 số tiền 50.000.000 đồng (photo).

- Giấy nộp tiền ngày 28/01/2021 số tiền 100.000.000 đồng (photo).

- Giấy nộp tiền ngày 12/4/2022 số tiền 30.000.000 đồng (photo).

- Giấy nộp tiền ngày 30/7/2022 số tiền 20.000.000 đồng (photo).

- Sổ phụ TK tiền gửi không kỳ hạn ngày 28/02/2023 (photo).

- Giấy nộp tiền ngày 18/7/2020 số tiền 300.000.000 đồng (photo).

- Giấy nộp tiền ngày 09/9/2020 số tiền 200.000.000 đồng (photo).

Các tài liệu trong hồ sơ các đương sự thống nhất. Không ai cung cấp thêm tài liệu chứng cứ và không yêu cầu thu thập thêm tài liệu, chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Cao Lãnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Ông Nguyễn Văn B1 đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Nguyễn Văn Biết.

[3] Về nội dung vụ án, nguyên đơn ông Lâm Quốc B yêu cầu bị đơn là Nguyễn Tấn L có trách nhiệm trả số tiền vay còn nợ là 620.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Giữa nguyên đơn có cho bị đơn vay số tiền 1.000.000.000 đồng, đã được nguyên đơn chứng minh bằng biên nhận đề ngày 21/9/2020 có chữ ký và ghi họ tên ông Nguyễn Tấn L người chứng kiến Nguyễn Văn Lượng và ông Võ Hoàng Thao đã thể hiện đúng như lời trình bày của nguyên đơn. Trong quá trình vay, nguyên đơn thừa nhận bị đơn đã trả số tiền 380.000.000 đồng (ông L chuyển khoản 330.000.000 đồng và anh A con ông L chuyển khoản 50.000.000 đồng) là phù hợp nên chấp nhận.

[3.2] Bị đơn ông L thừa nhận có ký và viết tên vào tờ biên nhận ngày 21/9/2020, vay số tiền 1.000.000.000 đồng, tuy nhiên trong quá trình vay ông L đã trả cho Ông B số tiền là 880.000.000 đồng, đã được ông L chứng minh bằng các chứng từ của Ngân hàng, tuy nhiên chứng từ ngày 18/7/2020 và ngày 09/9/2020 được giao dịch trước ngày 21/9/2020 là ngày các bên xác nhận nợ, do đó lời trình bày của ông L chưa phù hợp nên không chấp nhận.

[3.3] Do đó, Hội đồng xét xử xác định hợp đồng vay giữa hai bên đương sự là có thật nên việc nguyên đơn là Ông B yêu cầu bị đơn là ông L trả lại số tiền vay còn nợ nêu trên là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Tại phiên tòa, nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu ông L phải trả lãi trên số tiền 1.000.000.000 đồng với mức lãi suất 0,833%/tháng thời gian tính từ ngày khởi kiện cho đến ngày xét xử và rút lại yêu cầu số tiền 1.000.000.000 đồng tại biên nhận ngày 15/7/2019. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của Ông B là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp theo quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên chấp nhận và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện nêu trên của nguyên đơn.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6] Về án phí: Ông Nguyễn Tấn L trách nhiệm chịu án phí dân sự sơ thẩm theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Cụ thể, số tiền án phí được tính như sau: 20.000.000 đồng + (220.000.000 đồng x 4%) = 28.800.000 đồng, nhưng do ông L là người cao tuổi nên được miễn nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 161, Điều 162, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Quốc B.

Buộc ông Nguyễn Tấn Ltrả cho ông Lâm Quốc B số tiền 620.000.000 (Sáu trăm hai mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu ông L phải trả lãi trên số tiền 1.000.000.000 đồng với mức lãi suất 0,833%/tháng thời gian tính từ ngày khởi kiện cho đến ngày xét xử và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu số tiền 1.000.000.000 đồng tại biên nhận ngày 15/7/2019.

2. Về án phí:

Buộc ông Nguyễn Tấn L phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 28.800.000 đồng, nhưng do ông L là người cao tuổi nên được miễn.

Ông Lâm Quốc B được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 36.856.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009950 ngày 12/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

3. Đương sự có mặt quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND HCL;
- Đương sự;
- Tòa án Tỉnh;
- CC THADS HCL;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Ngọc Minh